

Một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quan hệ vợ chồng trong gia đình

Trần Thị Cẩm Nhung

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa vào các nghiên cứu đã được công bố ở các nước, bài viết này xem xét một số các yếu tố tác động đến việc nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa vợ và chồng trong gia đình. Có nhiều yếu tố tác động đến chất lượng quan hệ vợ chồng như vai trò giới, yếu tố kinh tế, học vấn, việc làm của người vợ,... Và nhấn mạnh đến mức độ ảnh hưởng khác nhau của các yếu tố này đến chất lượng quan hệ vợ chồng ở những nền văn hoá khác nhau. Trong đó sự tham gia của người phụ nữ vào thị trường lao động, sự độc lập kinh tế của họ, các khuôn mẫu về vai trò giới truyền thống, và nhận thức của người vợ và người chồng được xem là những yếu tố quan trọng có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm việc duy trì chất lượng quan hệ giữa vợ và chồng. Sự chia sẻ và sự hiểu biết lẫn nhau cũng là những yếu tố cần thiết để xây dựng những mối quan hệ này tốt đẹp hơn.

Từ khoá: Hôn nhân – Gia đình; Mối quan hệ giữa vợ và chồng; Yếu tố ảnh hưởng quan hệ vợ chồng;

1. Đặt vấn đề

Thiết chế hôn nhân đang có xu hướng suy giảm trên phạm vi toàn cầu. Hiện tượng chung sống không kết hôn, số lượng trẻ em được sinh ra ngoài hôn nhân tăng, tăng độ tuổi kết hôn và tỷ lệ ly hôn, trong khi tỷ lệ tái hôn

giảm cho thấy hôn nhân không còn được nhiều người coi là một yếu tố quan trọng trong cuộc đời của con người. Việc duy trì những cuộc hôn nhân bền vững và hạnh phúc ngày càng trở nên khó khăn và ngày nay người ta dễ dàng từ bỏ cuộc hôn nhân không hạnh phúc bằng việc ly hôn.

Nghiên cứu về sự biến đổi chất lượng các mối quan hệ hôn nhân đang trở thành chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đối với mối quan hệ vợ chồng, các nghiên cứu (Graeme Russell và Lyndy Bowman, 2000) đã đưa ra 4 chỉ báo cơ bản về chất lượng mối quan hệ vợ chồng bao gồm: (i) mức độ đồng thuận giữa vợ và chồng trong các vấn đề quan trọng của gia đình (ví dụ như quan niệm về cuộc sống, giải trí, bạn bè, v.v.); (ii) mức độ hài lòng về quan hệ vợ chồng; (iii) mức độ gắn kết quan hệ (ví dụ như tần suất một vấn đề thường được vợ chồng đưa ra thảo luận, mức độ chia sẻ, trao đổi ý kiến và quan điểm với nhau, mức độ cùng tham gia các hoạt động giải trí, v.v.); (iv) sự đồng tình và hài lòng với việc thể hiện tình cảm của hai vợ chồng. Tác giả Cramer (dẫn từ Graeme Russell và Lyndy Bowman, 2000) tổng hợp các nghiên cứu tiến hành trong vòng 30 năm qua đã đưa ra kết luận rằng một số yếu tố sau đây có thể giúp dự báo về sự hoà hợp trong hôn nhân: tình yêu, hài lòng về tình dục, duy trì sự giao tiếp trao đổi thường xuyên và luôn giữ được tình cảm dành cho nhau. Trong một số nghiên cứu khác thì những người hài lòng với mối quan hệ hôn nhân của mình cho biết họ luôn trao đổi với nhau để cùng giải quyết các vấn đề khúc mắc trong mối quan hệ của họ, dành thời gian rỗi bên nhau, thường xuyên có sự giao tiếp, trao đổi, ít mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái, ít có sự không thoải mái trong quan hệ tình dục và ít khi bất đồng về tài chính. Những yếu tố này có ảnh hưởng tác động qua lại với những nhu cầu và mong đợi về công việc. Rất nhiều nghiên cứu khác cũng đã chỉ ra sự tương tác và trao đổi, giao tiếp qua lại giữa vợ và chồng có vai trò quan trọng đến chất lượng hôn nhân và quan hệ vợ chồng (Allan Sillars et al., 2004; Ann van den Troost, 2005; Constance T. Gager and Laura Sanchez, 2003; Graeme Russell và Lyndy Bowman, 2000; John DeFrain, 1999).

Phần viết dưới đây tìm hiểu một số các yếu tố tác động đến việc nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa vợ và chồng - mối quan hệ chính và đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì một bầu không khí đầm ấm, hoà thuận trong gia đình. Tư liệu sử dụng cho bài viết này bao gồm các bài phân tích về vấn đề lý luận và kết quả nghiên cứu ở một số nước về chất lượng mối quan hệ vợ chồng, sự hài lòng về quan hệ hôn nhân và các yếu tố tác động đến chất lượng các mối quan hệ trong hôn nhân.

2. Các yếu tố ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa vợ và chồng

Vai trò giới

Trong nhiều năm qua, các nghiên cứu gia đình (Kok Mun Ng et al., 2009) tìm hiểu liệu có sự khác biệt nào giữa cảm nhận của nam giới và nữ giới về chất lượng hôn nhân và về sự hài lòng cũng như chất lượng cuộc sống của cá nhân (individual well-being). Một số kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng nam giới nhận được nhiều lợi ích từ hôn nhân hơn so với nữ giới, hoặc các nghiên cứu về y học cho thấy khi có mâu thuẫn hay bạo lực trong hôn nhân thì người phụ nữ sẽ chịu thiệt thòi hơn so với nam giới, song cũng có một số nghiên cứu cho thấy nam và nữ hầu như không có nhiều khác biệt xét về chất lượng hôn nhân.

Vai trò giới thường được sử dụng để giải thích sự khác biệt trong chất lượng hôn nhân và khái niệm về cuộc sống hạnh phúc (well-being) trong đời sống. Nhiều nghiên cứu từ những năm 1970 đã cho kết quả rằng trong số những người kết hôn, nam giới cho biết họ thấy hài lòng về mối quan hệ hôn nhân cao hơn so với nữ giới. Theo lý thuyết về vai trò giới (gender role theory), sở dĩ hôn nhân có lợi hơn cho sức khoẻ tinh thần của nam giới và không có lợi cho phụ nữ là vì phụ nữ có xu hướng bị giới hạn vai trò trong gia đình là người vợ, người nội trợ và ở vị trí này, họ có địa vị xã hội thấp hơn, với sự mong đợi không rõ ràng và thường không được nhìn nhận và đánh giá (Kok Mun Ng et al., 2009). Trong trường hợp người phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động, thì vai trò của họ là vai trò kép, vì họ vừa phải hoàn thành công việc và vừa phải hoàn thành vai trò với gia đình. Điều đó khiến họ bị căng thẳng, và luôn cảm thấy không hài lòng.

Những nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về vai trò giới đối với sự hài lòng hôn nhân và cuộc sống đã đưa đến những kết luận khác nhau. Một nghiên cứu của Simon (2002, trích theo Kok Mun Ng, 2009) đã chỉ ra rằng hôn nhân đem lại lợi ích về mặt tình cảm cho cả nam và nữ. Nghiên cứu này gợi ý rằng phụ nữ có xu hướng giải quyết những vấn đề rắc rối trong hôn nhân bằng việc giữ tình cảm thâm kín trong lòng, trong khi nam giới có xu hướng làm cho vấn đề trở nên rắc rối hơn như uống rượu. Cả hai cách giải thích dựa trên vai trò và tình cảm đều đóng vai trò quan trọng khi tìm hiểu về mối liên hệ giữa vai trò giới, tình trạng hôn nhân và sức khoẻ tinh thần. Một nghiên cứu về người Trung Quốc ở Đài Loan (Xiaohe Xu and Shu Chuan Lai, 2002) cho biết nếu phụ nữ và nam giới có quan điểm trung hoà về vai trò giới khi quyết định các công việc trong gia đình, hôn nhân của họ có xu hướng hoà thuận và hạnh phúc hơn.

Sự phân công lao động trong gia đình là một chỉ báo về sự thương

lượng về vai trò giới giữa hai giới và được nhiều nghiên cứu coi là một chỉ báo quan trọng về chất lượng hôn nhân ở các nước phương Tây và nhiều nước ở châu Á. Nghiên cứu của Kok Mun Ng và đồng nghiệp năm 2006 xem xét sự hài lòng hôn nhân dựa trên lý thuyết vai trò giới trong bối cảnh những gia đình Trung Quốc ở Malaysia. Khi người chồng chia sẻ việc nhà nhiều hơn, cuộc hôn nhân sẽ có chất lượng cao hơn đối với cả nam và nữ. Khoảng cách giới giữa sự hỗ trợ theo mong đợi và sự hỗ trợ thực tế của người chồng đối với vợ và ngược lại cũng sẽ dẫn đến sự hài lòng khác nhau đối với hôn nhân của nam và nữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy nam giới nhận được sự trợ giúp từ người vợ nhiều hơn so với phụ nữ nhận từ người chồng, mặc dù trên thực tế người vợ lại mong đợi nhận được sự hỗ trợ từ người chồng nhiều hơn. Nhưng cũng nên lưu ý rằng nam giới và phụ nữ có nhiều cách thể hiện sự giúp đỡ khác nhau và một số loại hình trợ giúp có tác động đến sự hài lòng trong hôn nhân nhiều hơn loại hình khác. Một số nghiên cứu khác cho thấy đối với cả nam và nữ, sự trợ giúp về mặt tình cảm khiến cho các cặp vợ chồng thấy hài lòng với cuộc sống hôn nhân nhiều hơn so với hình thức trợ giúp bằng vật chất. Mickelson và các đồng nghiệp (2006, trích theo Kok Mun Ng, 2009) trong nghiên cứu của mình đã cho thấy sự trợ giúp về mặt tình cảm giữa người vợ và người chồng là yếu tố tốt hơn đảm bảo về sự hài lòng trong hôn nhân đối với những người vợ tư tưởng truyền thống và những người chồng có tư tưởng trung hoà về giới. Ngược lại, sự trợ giúp cả về mặt tình cảm và vật chất sẽ là yếu tố tốt hơn đảm bảo cho sự hài lòng trong hôn nhân đối với những phụ nữ có tư tưởng trung hoà về giới và nam giới mang tư tưởng truyền thống. Nhiều nghiên cứu gần đây ở Mỹ nhận thấy rằng khác biệt giới trong chất lượng hôn nhân đã bắt đầu giảm dần do những thay đổi về văn hoá và những nỗ lực bình đẳng giới trong các mối quan hệ hôn nhân. Hiện tượng trên có thể xảy ra ở nền văn hoá, hoặc ở quốc gia này nhưng cũng có thể không xảy ra ở một số nền văn hoá khác. Tuy nhiên, mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhằm phát huy bình đẳng giới và đã có những thay đổi lớn về văn hoá – xã hội, người vợ vẫn là người làm chính các công việc nhà. Vì thế, hoàn toàn không ngạc nhiên khi nhiều nghiên cứu vẫn cho rằng người phụ nữ vẫn cảm thấy không hoàn toàn hài lòng với hôn nhân và cuộc sống gia đình.

Khi đo lường chất lượng mối quan hệ vợ chồng, một số nghiên cứu đã tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ mối quan hệ hoặc ly hôn. So với nam giới, phụ nữ là người kiểm soát về mối quan hệ hôn nhân của họ chặt chẽ hơn, họ nhận thức về những nguy cơ xảy đến với mối quan hệ của họ sớm hơn và có xu hướng chủ động giải quyết các vấn đề đe dọa mối quan hệ của họ. Ngược lại, nam giới có xu hướng rút lui khỏi các cuộc

thảo luận hay trò chuyện nhằm tháo gỡ các vấn đề xảy ra đối với mối quan hệ hôn nhân của mình (Paul R. Amato and Denis Previti, 2003). Trong số các nguyên nhân dẫn đến việc kết thúc một cuộc hôn nhân, phụ nữ thường cho biết nguyên nhân chủ yếu là không hoà hợp, do tính cách không thích hợp, và không có tình yêu. Họ cũng đưa ra các nguyên nhân như do: bị ngược đãi về tinh thần và tình cảm, người chồng bỏ bê con cái và gia đình, hoặc hay tụ tập vui chơi với bạn bè. Ngược lại, nam giới lại thường đổ lỗi nguyên nhân cho việc ly hôn từ những yếu tố khách quan như do công việc, hay rắc rối với bên thông gia.

Khi nói đến mối quan hệ giữa vợ và chồng, nhiều nghiên cứu đã xem xét mối quan hệ này trong mối tương quan với quyền lực và nguồn lực (Anne-Rigt Poortman and Tanza Van Der Lippe, 2009; Bhanot and Senn, 2007; Cunningham et al., 1998; Feinian Chen, 2005; Phạm Thị Huệ, 2007; Trần Thị Cẩm Nhung, 2009). Các nghiên cứu này cho rằng quyền lực và nguồn lực đóng vai trò quan trọng hình thành và duy trì mối quan hệ giữa người vợ và người chồng trong gia đình, đặc biệt trong việc chia sẻ quyền ra quyết định và tham gia vào các công việc của gia đình. Sự không cân bằng về quyền lực và phân công công việc trong gia đình cũng là một trong những nguyên nhân gây ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa vợ và chồng. Các nghiên cứu về bạo lực gia đình còn cho thấy sự chênh lệch về đóng góp kinh tế của người vợ và người chồng là nguyên nhân nảy sinh các mâu thuẫn và trong nhiều trường hợp dẫn đến các hành vi bạo lực. Trong nhiều trường hợp, người chồng gây bạo lực để duy trì quyền lực của họ đối với người vợ vì anh ta biết rằng hành vi này sẽ mang lại những kết quả nhất định đối với mong muốn của anh ta về người vợ hoặc đối với mối quan hệ của họ (Nguyễn Hữu Minh và đồng nghiệp, 2008).

Địa vị kinh tế - xã hội

Liệu những nguồn lực kinh tế của phụ nữ có ảnh hưởng đến mối quan hệ vợ chồng hay không và những yếu tố văn hoá nào tác động đến mối quan hệ này? Sự tham gia ngày càng nhiều của phụ nữ vào thị trường lao động và ngày càng có nhiều phụ nữ nhận được điều kiện giáo dục tốt và được học cao là những yếu tố kinh tế, đồng thời cũng là yếu tố văn hoá tác động đến mối quan hệ này. Sự thay đổi vai trò kinh tế của phụ nữ gắn liền với những chuyển đổi xã hội quan trọng như sự thay đổi vai trò giới và giá trị của gia đình. Trong nghiên cứu của Ann van den Troost (2006) về sự hài lòng đối với mối quan hệ giữa vợ và chồng ở Hà Lan, yếu tố văn hoá được xem là cần thiết khi phân tích mối liên hệ giữa vị thế kinh tế của người phụ nữ và sự hài lòng của vợ và chồng về đời sống gia đình. Tuy nhiên, các nghiên cứu về chủ đề này đều là các nghiên cứu theo lát cắt

ngang nên chưa thể khẳng định sự biến đổi của các yếu tố văn hoá và kinh tế có tác động như thế nào đến sự biến đổi trong quan hệ vợ chồng. Lĩnh vực này đang cần thêm các nghiên cứu để tìm ra lời giải đáp.

Cách tiếp cận từ yếu tố kinh tế nhấn mạnh đến tính hiệu quả và năng suất lao động của sự sắp xếp phân chia theo giới. Theo các học giả, lợi ích chủ yếu của hôn nhân chính là sự phụ thuộc lẫn nhau của hai vợ chồng ngoài chức năng chuyên môn hoá của họ là người “xây nhà” và người “xây tổ ấm”. Vì vậy, theo cách tiếp cận này, một cặp vợ chồng mà cả hai người đều đi làm và có thu nhập có thể có một cuộc hôn nhân không được lý tưởng. Bởi cả hai giới đều không tập trung thực hiện vai trò đã được phân định của mình trong gia đình, vì thế không cân bằng được mối quan hệ hôn nhân, và điều đó rất có thể sẽ là nguyên nhân dẫn đến chất lượng hôn nhân thấp.

Ngược lại, cách tiếp cận tâm lý lại nhấn mạnh đến sự thay đổi trong lựa chọn và nhu cầu mà cặp vợ chồng có thể có khi người vợ có nhiều nguồn lực hơn. Đối với những cặp vợ chồng mà người vợ độc lập kinh tế, họ có thể giải quyết những khó khăn trong hôn nhân và người chồng thường sẽ có cảm giác an tâm hoặc không cảm thấy tội lỗi nếu ly hôn với một người vợ, người mà hoàn toàn có thể có khả năng nuôi sống bản thân. Ý tưởng này dẫn đến một số giả thuyết về mối quan hệ vợ chồng và nguyên nhân của ly hôn trong đó có hai giả thuyết là sự độc lập kinh tế của người vợ và giả thuyết về thu nhập của người chồng.

Theo giả thuyết thứ nhất, nguồn lực kinh tế của người vợ do có thu nhập từ việc làm được trả công có thể là nguyên nhân dẫn đến những căng thẳng trong gia đình. Tuy nhiên, các nghiên cứu khác nhau lại đưa đến những kết luận trái ngược nhau. Lý do là khi xem xét đến ý nghĩa của sự độc lập kinh tế của người vợ, các nghiên cứu đã không tính đến những đóng góp kinh tế của người chồng. Khi vai trò của người chồng là người đóng góp kinh tế chủ yếu của gia đình không bị đe dọa bởi thu nhập của người vợ thì nam giới vẫn thấy hài lòng với cuộc sống hôn nhân. Song, khi yếu tố học vấn được đưa vào xem xét, ý nghĩa của giả thuyết về sự độc lập kinh tế của người vợ lại gặp phải thách thức. Các nghiên cứu ở nhiều nước phương Tây cho thấy trình độ học vấn cao giúp người vợ có kỹ năng duy trì và xây dựng các mối quan hệ và do đó, họ có mối quan hệ tốt đẹp với bạn đời và cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Nghiên cứu của Paul Amato và các đồng nghiệp (2003) cho biết trình độ học vấn cao là yếu tố tác động đến tính cách của cá nhân và có thể thúc đẩy hạnh phúc trong hôn nhân và bảo vệ tính bền vững của cuộc hôn nhân. Theo các tác giả này, những người có học vấn cao có thể kiếm được thu nhập tốt, có kỹ năng giao tiếp

tốt và ít khi rơi vào các tình huống như buồn bã, chán nản và có khả năng kiểm soát bản thân tốt hơn. Vì vậy, tăng trình độ học vấn có thể góp phần thúc đẩy chất lượng hôn nhân (Paul R. Amato et al., 2003). Song nghiên cứu của một số học giả ở Hà Lan lại cho kết quả ngược lại, đó là tỷ lệ ly hôn ở nghiên cứu này cao hơn đối với những cặp vợ chồng mà người vợ có trình độ học vấn cao. Theo một nghiên cứu tiến hành ở Hà Lan của tác giả Ann van den Troost và các đồng nghiệp (2006), cả vợ và chồng tham gia vào nghiên cứu này đều cho biết họ không mấy hài lòng với hôn nhân khi người vợ có trình độ học vấn cao. Điều này được xem xét trong bối cảnh người vợ có trình độ học vấn cao, có ít quan điểm truyền thống về vai trò giới và các giá trị gia đình. Vì thế, các kết quả của nghiên cứu này ủng hộ cho cách tiếp cận từ sự độc lập kinh tế của người vợ.

Trong một cuộc khảo sát với 1000 người cha ở Australia thì hơn một nửa trong số đó cho biết những rào cản liên quan đến công việc là yếu tố quan trọng nhất cản trở họ trở thành người cha tốt như họ mong muốn (Graeme Russell và Lyndy Bowman, 2000). Nghiên cứu chỉ ra rằng làm việc theo ca cũng làm giảm chất lượng hôn nhân. Có một số công việc làm giảm khả năng của người lao động trong việc phát triển và xây dựng mối quan hệ lành mạnh với bạn đời. Vì thế việc cân bằng giữa công việc và gia đình có mục đích quan trọng là giúp người lao động thực hiện trách nhiệm đối với gia đình và nâng cao chất lượng đời sống gia đình. Tác giả Russell (Graeme Russell và Lyndy Bowman, 2000) cho rằng có ít nhất 6 lĩnh vực cần được cân bằng giữa việc làm và gia đình, và một trong số đó chính là việc duy trì các mối quan hệ gia đình. Đối với 6 lĩnh vực này, mức độ cân bằng được thể hiện qua hai cấp độ: sự tham gia và trách nhiệm. Ví dụ, đối với lĩnh vực duy trì các mối quan hệ gia đình thì ở cấp độ tham gia, gia đình đó phải dành bao nhiêu thời gian bên nhau, và họ có những hoạt động gì trong các khoảng thời gian đó. Ở cấp độ trách nhiệm, các thành viên gia đình phải cùng nhau trao đổi và thảo luận về mọi vấn đề của gia đình, các thành viên trong gia đình phải luôn duy trì sự trao đổi và giao tiếp và luôn có sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Trong các nghiên cứu về ly hôn, bên cạnh yếu tố vai trò giới thì vị thế kinh tế - xã hội, thường được đo bằng trình độ học vấn và thu nhập cũng được xem xét. Có nhiều nghiên cứu trước đây cho thấy trình độ học vấn giúp cho cuộc hôn nhân trở nên tốt đẹp hơn. Học vấn giúp cho sự giao tiếp giữa vợ và chồng dễ dàng hơn và hiệu quả hơn vì thế sẽ giúp họ xoá bỏ dần được những khác biệt. Song cũng có những trường hợp, những người có trình độ học vấn cao thường có tiêu chuẩn về hôn nhân cao, mong muốn nhận được nhiều sự trao đổi về tình cảm, sự sẻ chia, thông cảm và

ý thức trách nhiệm từ người bạn đời. Nghiên cứu của Kitson (1992 trích theo Paul R. Amato và Denis Previti, 2003) cho thấy những người có địa vị kinh tế xã hội cao thường phàn nàn rằng cuộc sống vợ chồng của họ thiếu sự giao tiếp, thiếu tình cảm, đòi hỏi ở đối phương quá nhiều và người bạn đời của mình quá ích kỷ khi chỉ nghĩ đến bản thân. Còn những người có địa vị kinh tế xã hội thấp hơn thường phàn nàn về tình trạng bạo lực thể xác, sự bỏ bê trách nhiệm của người bạn đời đối với gia đình, cờ bạc, phạm tội, và những khó khăn về việc làm và thu nhập.

Sự cân bằng giữa gia đình và việc làm

Rất nhiều nghiên cứu đã được thực hiện cho thấy sự tham gia vào thị trường lao động của phụ nữ mang lại nhiều biến đổi lớn trong mối quan hệ giữa các thành viên gia đình, cả mặt tích cực lẫn tiêu cực. Việc làm của phụ nữ là một yếu tố quan trọng tác động đến xu hướng cá nhân hoá đang ngày càng gia tăng. Khi phụ nữ có việc làm và thu nhập, họ bắt đầu nghĩ rằng cá nhân họ có thể tự nuôi sống bản thân và không phải gắn liền với việc chăm sóc chồng con. Tác động của xu hướng đề cao cá nhân trong mối quan hệ gia đình khiến cho những cam kết và nghĩa vụ gia đình bị xem nhẹ. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tính cá nhân có tác dụng không tốt đến các mối quan hệ gia đình, vì khi đó người mẹ sẽ đặt lợi ích của mình lên trước các trách nhiệm đối với gia đình, và người cha dần đánh mất ý thức về vai trò của mình trong gia đình. Kết quả là trẻ em trong những gia đình này có tính cách bướng bỉnh hơn và không tôn trọng cha mẹ. Theo cách tiếp cận này, sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động là yếu tố tạo nên những xáo trộn trong mối quan hệ gia đình, bởi do sự thiếu thời gian dành cho các hoạt động của gia đình. Ngược lại, theo chiều hướng tích cực thì tác động của xu hướng tự do cá nhân sẽ giúp con người xây dựng các mối quan hệ bình đẳng trong gia đình. Những quan niệm truyền thống về cách ứng xử và vai trò của người vợ và người chồng trong gia đình sẽ thay đổi, thay vào đó, các cặp vợ chồng có quan niệm cùng nhau xây dựng mối quan hệ theo cách mà cả hai bên đều hài lòng đó là đề cao tự do cá nhân và tôn trọng lẫn nhau. Họ nói chuyện với nhau cởi mở hơn và cùng chia sẻ suy nghĩ, quan điểm và có sự cảm thông. Tương tự, đối với trẻ em, quyền lực tuyệt đối của cha mẹ đối với con cái sẽ được thay thế bằng sự trao đổi có sự tham gia của con cái. Đời sống gia đình được xây dựng với trọng tâm là tình cảm của con cái chứ không phải chỉ để đáp ứng những nhu cầu vật chất thực dụng của chúng. Cha mẹ cố gắng tránh những mâu thuẫn với con cái bởi vì thời gian dành cho gia đình của họ bị hạn chế bởi công việc. Trong khi sự tham gia vào thị trường lao động của người mẹ không làm thay đổi quan niệm về vai trò tình cảm của người mẹ thì vai trò của người cha lại có sự biến đổi đáng kể, trong đó phải kể đến trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng con cái

(Tracey Reynolds et al., 2003).

Ngay từ cuối những năm 1970, nhiều nhà nghiên cứu đã bắt đầu xem xét sự tác động qua lại giữa việc làm và đời sống gia đình và chỉ ra rằng việc làm và gia đình đều đòi hỏi thời gian và sức lực. Việc làm mang lại thu nhập và địa vị còn gia đình là nơi mà vợ và chồng cùng chăm sóc và chia sẻ và nuôi dạy con cái. Cho đến nay, các nghiên cứu đều cho thấy gia đình và việc làm có mối quan hệ qua lại lẫn nhau theo cả hướng tích cực và tiêu cực xét về thời gian, trách nhiệm, thái độ, tình cảm, hành vi và cả những áp lực. Sự tác động này có thể được giải thích từ lý thuyết vai trò. Theo đó, sự xung đột về mong đợi (expectations) đối với vai trò rõ ràng có tác động không tốt đến cuộc sống gia đình. Các nghiên cứu ở phương Tây, đặc biệt là Mỹ, nhận thấy việc làm có tác động đến gia đình nhiều hơn là gia đình tác động đến việc làm do giới hạn của gia đình thường linh hoạt hơn và “mềm” hơn so với giới hạn việc làm. Nói cách khác, người ta có thể linh hoạt khi giải quyết hay thực hiện các công việc và trách nhiệm gia đình nhưng lại hầu như không thể làm tương tự đối với việc làm. Từ góc độ giới, do sự khác biệt về vai trò và trách nhiệm, nam và nữ thường gặp phải những xung đột vai trò giữa gia đình và việc làm ở mức độ khác nhau. Phụ nữ được mong đợi sẽ chịu trách nhiệm chính các công việc của gia đình và vì vậy họ thường giảm bớt thời gian dành cho việc làm. Ngược lại, nam giới được mong đợi sẽ đóng vai trò chính là người tạo ra thu nhập và để thực hiện vai trò này họ thường phải dành nhiều thời gian cho việc làm hơn là cho gia đình. Sự hỗ trợ của chính sách tại nơi làm việc, sự chia sẻ, giúp đỡ của người bạn đời được nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng có tác động rất tích cực tới sự cân bằng giữa việc làm và gia đình (Steven Poelmans et al. 2005). Nghiên cứu của Perry-Jenkins và các đồng nghiệp (trích theo Paul R. Amato et al., 2003) cho thấy mặc dù phụ nữ tham gia vào thị trường lao động làm tăng khả năng kinh tế của gia đình nhưng đồng thời nó cũng tiềm ẩn nhiều khả năng xung đột của người phụ nữ giữa vai trò đối với gia đình và đối với công việc ngoài xã hội. Để thể chế hoá việc các công ty/người sử dụng lao động sẽ hỗ trợ cho người lao động nhằm tạo được sự cân bằng giữa việc làm và gia đình, các nhà nước đã ban hành luật pháp và các chính sách xã hội về vấn đề này. Các chính sách cân bằng việc làm và gia đình thường bao gồm 4 lĩnh vực chính: các chính sách chăm sóc trẻ em, chính sách về thời gian làm việc, chính sách thuế, và chính sách hỗ trợ bằng tiền mặt.

3. Kết luận

Tóm lại, các nghiên cứu đã cho thấy có rất nhiều yếu tố tác động đến các mối quan hệ giữa vợ và chồng. Sự tham gia của người phụ nữ vào thị

trường lao động, sự độc lập kinh tế của họ, các khuôn mẫu về vai trò giới truyền thống, và nhận thức của người vợ và người chồng là những yếu tố quan trọng có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm việc duy trì chất lượng quan hệ giữa người vợ và người chồng trong gia đình. Sự giao tiếp cởi mở giữa vợ và chồng, dành thời gian bên nhau, cùng tham gia các hoạt động chung của gia đình, chia sẻ trách nhiệm trong gia đình là những cách thức có thể nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa vợ và chồng. Sự chia sẻ, gần gũi, hiểu biết lẫn nhau là những điều cần thiết để xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình.■

Tài liệu tham khảo

- Allan Sillars, Daniel J. Canary và Melissa Tafoya. 2004. "Communication, Conflict, and the Quality of Family Relationships." Pp. 413-446 in *Handbook of Family Communication*, edited by Anita L. Vangelisti. New Jersey: Lawrence Erlbaum Associates Inc.
- Ann van den Troost. 2005. *Marriage in Motion: A Study on the Social Context and Processes of Marital Satisfaction*: Connel University Press.
- Constance T. Gager và Laura Sanchez. 2003. "Two as One?: Couples' Perceptions of Time Spent Together, Marital Quality and the Risk of Divorce." *Journal of Family Issues* Vol 24: 21-50.
- Daphne E. Pedersen, Krista Lynn Minnotte, Gary Kiger và Susan E. Mannon. 2009. "Workplace Policy and Environment, Family Role Quality and Positive Family-to-Work Spillover." *Journal of Family and Economic Issues* 30: 80-89.
- Graeme Russell và Lyndy Bowman. 2000. "Work and Family: Current Thinking, Research and Practice." in *Background paper for the Australia National Families Strategies*: Department of Family and Community Services
- John DeFrain. 1999. "Strong Families." *Family Matters* 53: 6-13.
- Kok Mun Ng, Johnben Teik-Cheok Loy, Clinton G. Gudmunson và WinNee Cheong. 2009. "Gender Differences in Marital and Life Satisfaction among Chinese Malaysians." *Sex Roles* 60: pp.33-43.
- Paul R. Amato và Denis Previti. 2003. "People's Reasons for Divorcing: Gender, Social Class, the Life Course, and Adjustment." *Journal of Family Issues* Vol 24: 602-626.
- Tracey Reynolds, Claire Callender và Rosalind Edwards. 2003. "Caring and Counting: The impact of mother's employment on family relationships." South Bank University: Joseph Browntree Foundation.
- Xiaohu Xu và Shu Chuan Lai. 2002. "Resources, Gender Ideologies, and Marital Power: The Case of Taiwan." *Journal of Family Issues* Vol.23: 209-245.